

THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI CỦA TRUNG QUỐC: MỘT SỐ BÀI HỌC THÀNH CÔNG VÀ CHƯA THÀNH CÔNG

ĐẶNG THU HƯƠNG*

Nội dung chủ yếu : Trung Quốc là quốc gia rất thành công trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Từ năm 1993 đến nay, Trung Quốc luôn đứng đầu các nước đang phát triển về thu hút FDI và năm 2002, lần đầu tiên Trung Quốc vượt Mỹ trở thành quốc gia thu hút FDI lớn nhất thế giới. Bài viết này đề cập đến một số bài học chủ yếu về thành công và chưa thành công của Trung Quốc từ khi nước này thực hiện cải cách và mở cửa nền kinh tế (từ 1978-nay)

1. Những bài học thành công

1.1. Chủ động mở cửa hội nhập với nền kinh tế thế giới

Những năm qua, toàn cầu hoá kinh tế đã có tác động rất lớn đến quá trình cải cách mở cửa kinh tế Trung Quốc, đưa Trung Quốc ngày càng hội nhập vào thị trường thế giới.

Để đảm bảo hội nhập quốc tế thành công, trong những năm qua Trung Quốc đã tập trung giải quyết một số vấn đề chính như:

Về mở cửa dân các lĩnh vực đầu tư: Thời kỳ đầu thập kỷ 80 của thế kỷ XX, Trung Quốc mở cửa ngành công nghiệp nhẹ cho các nhà đầu tư nước ngoài là chủ yếu, sau đó từng bước mở sang các lĩnh vực khác như năng lượng, nguyên liệu, xây dựng cơ sở hạ tầng. Cuối những năm 80 của thế kỷ XX, Trung Quốc có sự điều chỉnh chính sách thu hút FDI theo hướng xuất khẩu, do vậy cơ cấu FDI có

những thay đổi lớn, các dự án công nghiệp chiếm 90% tổng số dự án và trên 70% tổng số vốn cam kết. Từ những năm 90 của thế kỷ XX, cơ cấu FDI được khuyến khích mở rộng chuyển sang các hoạt động dịch vụ như tài chính tiền tệ, ngoại thương, tư vấn, bảo hiểm. Năm 2001, Trung Quốc chính thức gia nhập WTO và sau đó 3 tháng đã công bố danh sách mới về các dự án kêu gọi đầu tư nước ngoài. Bản danh sách này bao gồm 371 lĩnh vực thay vì 186 lĩnh vực trước khi gia nhập WTO. Trong bản danh sách mới này, Trung Quốc đã mở thêm các ngành dịch vụ ở đô thị. Sự điều chỉnh những chính sách theo từng giai đoạn cho thấy Trung Quốc không ngừng mở cửa hội nhập kinh tế. Theo nhận xét của Nhật báo kinh tế Les Echos và Văn phòng Bộ trưởng kinh tế và công nghiệp

* Thạc sỹ. Đại học Kinh tế quốc dân.

Nhật Bản thì sau khi gia nhập WTO, cùng với những cải cách phù hợp, nhanh nhậy của Chính phủ, Trung Quốc đã được hầu hết các nhà đầu tư nước ngoài lựa chọn làm địa điểm đầu tư lý tưởng, một thị trường đầy triển vọng với những lợi thế chủ yếu như: cơ sở hạ tầng tương đối hoàn thiện, trình độ chuyên môn của đội ngũ công nhân cao, chi phí lao động thấp, cơ chế chính sách thông thoáng, cởi mở.

- *Thực hiện giảm dần thuế quan và phi thuế quan phù hợp với thông lệ quốc tế:* Để thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế và tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, Chính phủ Trung Quốc đã nhiều lần hạ mức thuế quan cho phù hợp với mức chung của các nước đang phát triển và phù hợp với cam kết của WTO. Mức thuế trung bình của biểu thuế xuất nhập khẩu đã liên tục được giảm xuống. Từ mức thuế 42,5% năm 1992 giảm xuống còn 17% năm 1998 và tiếp tục giảm xuống còn 12% năm 2002 và xuống 10% năm 2005 theo yêu cầu của WTO ⁽¹⁾.

Mức giảm thuế này có ý nghĩa quan trọng cho việc mở cửa thị trường, lôi cuốn các nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục đầu tư vào Trung Quốc vì điều đó sẽ giúp họ giảm thiểu được các chi phí, tự do đầu tư và khai thác các nguồn lực nội tại của Trung Quốc.

Hệ thống phi thuế quan của Trung Quốc đã được cải tiến theo hướng giảm số lượng các loại sản phẩm xuất nhập khẩu đòi hỏi phải có giấy phép, cải tiến chế độ cấp quota và từng bước áp dụng

hình thức đấu thầu trong chế độ phân phối quota xuất nhập khẩu. Thông qua cơ chế đấu thầu, chính phủ có thể kiểm soát nhập khẩu một số loại hàng hoá đặc biệt.

- *Chủ động tham gia vào các tổ chức kinh tế quốc tế và khu vực:*

Từ giữa thập kỷ 1990, Trung Quốc đã đối thoại với ASEAN và năm 1995 bắt đầu có các cuộc họp hàng năm với quan chức cao cấp của ASEAN và tham gia tích cực vào việc hỗ trợ thiết lập cơ chế ASEAN + 3, gồm nhiều cuộc gặp gỡ hàng năm giữa 10 nước ASEAN, Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc. Trung Quốc cũng là thành viên của APEC năm 1991. Ngoài ra Trung Quốc cũng chú ý đến việc phát triển thêm các mối quan hệ với châu Âu. Năm 1996, Trung Quốc là thành viên sáng lập Gặp gỡ Trung-Âu, với hội nghị thượng đỉnh của các nhà lãnh đạo nhà nước hai năm một lần và các cuộc gặp gỡ cấp bộ trưởng hàng năm. Năm 2001, Trung Quốc gia nhập WTO và xúc tiến thành lập khu vực thương mại Trung Quốc -ASEAN. Hiện tại Trung Quốc đang cùng các nước láng giềng xây dựng khu vực thương mại tự do thứ cấp như khu vực thương mại tự do Đông Bắc Á -Trung-Nga-Hàn Quốc. Việc chủ động tham gia vào các tổ chức quốc tế sẽ tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho việc thu hút FDI.

1.2. Tạo môi trường đầu tư thuận lợi

Nguyên nhân chủ yếu làm nên sự thành công của Trung Quốc trong thu hút FDI là việc tạo lập một môi trường

đầu tư thuận lợi. Để thực hiện được điều này, Trung Quốc đã duy trì sự ổn định chính trị xã hội, chủ động điều chỉnh hệ thống luật pháp phù hợp với các cam kết quốc tế, đa dạng hoá hình thức và lĩnh vực đầu tư và đưa ra các chính sách ưu đãi.

- *Ổn định chính trị và xã hội* được coi là điểm quan trọng nhất trong thu hút FDI. Đó là những cơ sở đảm bảo cho tính mạng, tài sản và các hoạt động đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài, do vậy Trung Quốc đã duy trì chính trị - xã hội ổn định, đoàn kết đa dân tộc để xây dựng hiện đại hoá. Đường lối cơ bản của Trung Quốc là lấy xây dựng kinh tế làm trung tâm, kiên trì 4 nguyên tắc cơ bản là: Kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa; kiên trì chuyên chính dân chủ nhân dân; kiên trì sự lãnh đạo của Đảng; kiên trì chủ nghĩa Mác, tư tưởng Mao Trạch Đông⁽²⁾. Bên cạnh đó Trung Quốc còn đưa ra các nguyên tắc chung sống hoà bình và chính sách ngoại giao độc lập tự chủ.

- *Chủ động điều chỉnh hệ thống pháp luật phù hợp với các cam kết quốc tế.*

Trong gần 3 thập kỷ cải cách mở cửa, Trung Quốc đã ban hành, sửa đổi hàng loạt các đạo luật và quy định liên quan đến đầu tư trực tiếp nước ngoài theo hướng ngày càng thuận lợi hơn cho các nhà đầu tư và phù hợp hơn với các cam kết quốc tế. Những chính sách và văn bản này được xây dựng trên 2 nguyên tắc (i) Nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, nghĩa là phải có lợi cho việc xây dựng hiện đại hoá của Trung Quốc, đồng thời

các nhà đầu tư cũng thấy được lợi ích của mình; (ii) Tôn trọng luật pháp quốc tế: các nhà đầu tư có quyền tự chủ tương đối lớn trong sản xuất, kinh doanh. Họ có thể áp dụng các phương pháp quản lý phổ biến trên thế giới mà không bị bó buộc bởi thể chế quản lý hiện hành của Trung Quốc.

Sau khi gia nhập WTO, đến nay đã có hơn 3000 văn bản luật và dưới luật không nhất quán với các cam kết WTO đã được sửa đổi hoặc thay thế⁽³⁾. Những nỗ lực của Chính phủ Trung Quốc trong việc cải cách hệ thống pháp lý của họ cho phù hợp với cam kết quốc tế trong những năm qua đã tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài.

- *Đa dạng hoá các hình thức đầu tư:* Ngoài ba hình thức đầu tư nước ngoài phổ biến ở Trung Quốc là liên doanh, hợp đồng hợp tác kinh doanh và 100% vốn nước ngoài, Trung Quốc còn cho phép các nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào kinh doanh chứng khoán đồng thời được niêm yết trên thị trường chứng khoán; cho phép các nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phiếu của những doanh nghiệp nhà nước then chốt. Từ năm 1995, Trung Quốc cho phép các công ty nước ngoài thành lập các công ty quản lý tài chính và từ năm 2002 bắt đầu thí điểm các hình thức đầu tư mới như quỹ đầu tư mạo hiểm.

- *Nâng cao trình độ khoa học công nghệ:* Một trong những nhân tố quan trọng hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài là sự tiến bộ về khoa học công nghệ của nước chủ nhà mà họ có ý định đầu tư.

Nhận thức rõ được điều này, Chính phủ Trung Quốc đã đưa ra các chính sách tập trung nâng cao trình độ khoa học công nghệ. Đó là: (i) tập trung khuyến khích phát triển các sản phẩm mới và nâng cấp sản phẩm; (ii) tập trung khuyến khích thương mại hoá các kết quả nghiên cứu; (iii) tập trung vào hỗ trợ phát triển khoa học công nghệ; (iv) tập trung vào tiến bộ công nghệ của doanh nghiệp, khuyến khích các doanh nghiệp tập trung nhiều nguồn lực hơn cho R&D; (v) tập trung vào công nghiệp công nghệ cao; (vi) tập trung vào động lực nghiên cứu của đội ngũ cán bộ làm công tác nghiên cứu.

Ngoài những chính sách khuyến khích trên, để nâng cao trình độ khoa học công nghệ nhằm rút ngắn khoảng cách với các nước phát triển, nhất là trong lĩnh vực công nghệ cao, Trung Quốc đã thiết lập mối quan hệ với nhiều quốc gia trên thế giới, tăng đầu tư cho R&D.

Theo số liệu của Bộ Khoa học và Công nghệ Trung Quốc, tổng đầu tư R&D năm 2004 đạt 196,6 tỷ NDT (tương đương với 24,6 triệu USD), tức là bằng 1,23% GDP so với tỷ lệ 0,76% GDP vào năm 1999. Trung Quốc đang có kế hoạch tăng đầu tư cho R&D lên tới 2,5% GDP vào năm 2020. Đầu tư cho R&D của Trung Quốc mặc dù thấp hơn so với Mỹ (đầu tư R&D của Mỹ hàng năm là 250 tỷ USD) nhưng tốc độ tăng đầu tư cho R&D của Trung Quốc rất mạnh mẽ⁽⁴⁾. Trung Quốc cũng được các công ty nước ngoài đánh giá là đầu tư R&D tốt nhất (39%), tiếp đó là Mỹ (29%) và Ấn Độ (28%)⁽⁵⁾.

1.3. Xây dựng các đặc khu kinh tế

Trung Quốc rất thành công trong việc mở cửa nền kinh tế thông qua các chính sách khuyến khích đầu tư. Với phương pháp “dò đá qua sông”, Trung Quốc đã tiến từng bước vững chắc và mang lại kết quả tốt ngay ở giai đoạn đầu của cải cách. Đó là việc Trung Quốc xây dựng các đặc khu kinh tế nhằm thu hút công nghệ tiên tiến của nước ngoài, nâng cao trình độ kỹ thuật, thúc đẩy xuất khẩu và mở rộng quan hệ với nước ngoài, thúc đẩy phát triển kinh tế trong nước. Hoạt động đầu tư ở các đặc khu kinh tế được hưởng chế độ ưu đãi đặc biệt. Tuy nhiên, dựa vào đặc điểm và vị trí địa lý của từng đặc khu mà Trung Quốc đưa ra các chiến lược phát triển và chính sách ưu đãi khác nhau. Chẳng hạn tại Thâm Quyển, các doanh nghiệp sản xuất những sản phẩm có hàm lượng khoa học cao được miễn thuế sử dụng đất trong 5 năm đầu và giảm 50% trong những năm tiếp theo hoặc ở đặc khu Chu Hải, nếu các doanh nghiệp có vốn FDI đang áp dụng công nghệ cao hoặc các doanh nghiệp có lợi nhuận thấp thì được miễn trả tiền thuê đất... Các đặc khu kinh tế này được trao quyền giống như chính quyền cấp tỉnh trong việc điều tiết kinh tế và ban hành các văn bản quy định điều chỉnh hoạt động của đầu tư nước ngoài.

Ngoài những ưu đãi của địa phương, các nhà đầu tư nước ngoài vào Trung Quốc còn được hưởng ưu đãi chung của Nhà nước. Ví dụ: nếu nhà đầu tư nước ngoài tái đầu tư từ 5 năm trở lên số lợi nhuận thu được thì họ sẽ được hoàn lại

40% thuế thu nhập trên số lợi nhuận tái đầu tư này. Nếu đầu tư vào những vùng miền núi, nông thôn hoặc vào các ngành có doanh lợi thấp thì sẽ được miễn thuế hoàn toàn hay một phần thuế trong 5 năm đầu hoạt động, trong 10 năm tiếp theo có thể được miễn giảm từ 15-30% thuế thu nhập, tùy thuộc vào từng vùng và ngành cụ thể.

Với những chính sách đầu tư thông thoáng, linh hoạt của các đặc khu cộng với nguồn lao động dồi dào và nhân công rẻ, chất lượng, các đặc khu này đã thu hút được một số lượng rất lớn các nhà đầu tư nước ngoài, góp phần tăng nguồn vốn, nâng cấp trang thiết bị hiện đại và phương pháp quản lý tiên tiến trong hoạt động kinh tế và cải thiện đời sống của nhân dân trong vùng.

1.4. Khuyến khích Hoa kiều đầu tư

Hiện nay có khoảng 32 triệu người Hoa sống ở nước ngoài, phân bố trên 160 nước và khu vực. Ngoài ra còn có khoảng 23 triệu người Trung Quốc ở Đài Loan, Hồng Kông, Ma Cao⁽⁶⁾.

Để tận dụng nguồn lực của người Hoa và Hoa kiều trong phát triển kinh tế đất nước và thu hút FDI, ngay từ khi mới bắt đầu cải cách mở cửa, năm 1978 Trung Quốc đã khôi phục hoạt động của Ủy ban Hoa kiều và năm 1982, Ủy ban Hoa kiều Quốc hội Trung Quốc đã được thành lập. Ngoài việc tích cực tham gia vào việc lập pháp về kinh tế, hàng năm Ủy ban này còn tổ chức họp mặt các Hoa kiều, mời một số lãnh tụ Hoa kiều và những người có tiếng tăm về nước tham quan và khuyến khích họ đóng góp, đầu

tư vào Trung Quốc thông qua các chính sách như:

- Người đầu tư là Hoa kiều có thể đầu tư trong các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc của Trung Quốc.

- Khích lệ các nhà đầu tư Hoa kiều mở các doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm, các doanh nghiệp kỹ thuật tiên tiến và có những ưu đãi tương ứng.

- Nhà nước không thực hiện quốc hữu hoá, không trưng thu tài sản của các nhà đầu tư Hoa kiều.

- Các doanh nghiệp Hoa kiều về nước đầu tư được hưởng chính sách ưu đãi thuế: 2 năm đầu được miễn thuế, 3 năm sau giảm một nửa...

- Các doanh nghiệp Hoa kiều có thể nhập khẩu nguyên vật liệu, nhiên liệu, các loại linh kiện sử dụng vào sản xuất.

- Có thể thế chấp tài sản doanh nghiệp đầu tư để vay vốn trong và ngoài nước.

Ngoài ra, Trung Quốc còn rất chú trọng đến chính sách kiều vụ với nguyên tắc: đối xử bình đẳng, không kỳ thị, tạo điều kiện cho Hoa kiều phát huy lòng nhiệt tình yêu nước, trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước, thành lập hệ thống kiều vụ từ Trung ương đến địa phương, đề bạt cán bộ là Hoa kiều vào những chức vụ quan trọng cũng như kết nạp Đảng cho họ, giảm bớt các thủ tục xuất nhập cảnh, nới lỏng về trọng lượng hành lý, không hạn chế thời gian cư trú, được tự do đi lại.

Với những chính sách thuận lợi đó, số lượng các nhà đầu tư Hoa kiều trở về nước đầu tư ngày càng nhiều và chiếm

tỷ trọng cao trong tổng vốn FDI của Trung Quốc. Từ năm 1979-1983, có khoảng 80% vốn FDI là từ Hoa kiều Hồng Kông và Ma Cao; từ 1979-1996, vốn FDI của Hoa kiều Hồng Kông chiếm 57% ⁽⁷⁾.

Năm 2002, có trên 30.000 nhà đầu tư Hoa kiều đến từ trên 20 nước khác nhau tham dự “Hội nghị Quốc gia cho các doanh nghiệp Hoa kiều”. Những nhà đầu tư này đã thiết lập một mạng lưới kinh doanh trên hầu hết các lĩnh vực như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, khoa học nông nghiệp, máy móc và bảo vệ môi trường⁽⁸⁾.

1.5. Khuyến khích đầu tư của các công ty xuyên quốc gia

Là một quốc gia đang phát triển, trình độ khoa học, kỹ thuật còn tương đối lạc hậu, trong quá trình cải cách và mở cửa, Trung Quốc đặt ra mục tiêu là phải thu hút nguồn vốn và công nghệ của các công ty xuyên quốc gia và của các nhà tư bản lớn, nhất là Mỹ và phương Tây để nâng cấp kết cấu kỹ thuật và ngành nghề, phát triển các ngành kỹ thuật cao. Trung Quốc xác định phát triển ngành kỹ thuật cao là cơ sở chiến lược để đẩy nhanh quá trình thực hiện công nghiệp hóa đất nước, đồng thời tham gia vào phân công và cạnh tranh quốc tế trong thế kỷ XXI. Do vậy, Trung Quốc coi đây là hạt nhân của mục tiêu điều chỉnh kết cấu kinh tế. Hiện nay các công ty xuyên quốc gia nắm trong tay 40% sản xuất của thế giới, 60-70% mậu dịch kỹ thuật quốc tế, 90% đầu tư trực tiếp của quốc tế đối với các nước đang phát triển. Vì vậy, để thu hút

nguồn vốn và nâng cao hàm lượng kỹ thuật trong thu hút FDI, Trung Quốc đã áp dụng chính sách kích thích, tạo điều kiện thuận lợi cho các công ty TNC như :

- Các doanh nghiệp chung vốn với các công ty xuyên quốc gia được độc lập và tự chủ trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Cho phép các công ty TNC được tiêu thụ một phần sản phẩm của mình trên thị trường Trung Quốc.

- Đảm bảo các quyền lợi hợp pháp của các công ty TNC.

Với những khuyến khích trên, hiện nay trong số 500 công ty xuyên quốc gia đứng đầu thế giới đã có khoảng 450 công ty xuyên quốc gia đầu tư vào Trung Quốc. Theo nghiên cứu của He và Zhang⁽⁹⁾ năm 1999 có khoảng 81% công nghệ kỹ thuật tiên tiến của các ngành công nghiệp ở Bắc Kinh có nguồn gốc từ sự chuyển giao công nghệ của các TNC đầu tư ở Trung Quốc. Theo Jiang (2004)⁽¹⁰⁾, có khoảng 26,8% trong số 442 chi nhánh TNC đầu tư ở Trung Quốc đang sử dụng kỹ thuật mới của các công ty mẹ, 34,8% sử dụng kỹ thuật ở mức tiên tiến hiện có ở nước đầu tư.

Các công ty TNC đầu tư vào Trung Quốc chủ yếu mang theo kỹ thuật tiên tiến với những hạng mục có quy mô lớn và hiệu quả kinh doanh cao...Điều đó có tác dụng rất lớn đối với việc nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật và điều chỉnh kết cấu ngành nghề của Trung Quốc.

1.6. Thu hút và bồi dưỡng nhân tài

Thu hút và bồi dưỡng nhân tài là chiến lược lâu dài và trọng tâm của

Trung Quốc. Vào thập kỷ 90 của thế kỷ XX, nền kinh tế Trung Quốc đứng trước nhiều thách thức mới như cần phải đẩy mạnh cải cách để chuyển dịch cơ cấu, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp, tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế. Để có thể đáp ứng được các yêu cầu trong tình hình mới, Trung Quốc đã coi phát triển nguồn nhân lực, thu hút và bồi dưỡng nhân tài là khâu quan trọng mà sự đột phá của những khâu này sẽ tạo cơ sở để Trung Quốc có được những bước tiến nhanh hơn, mạnh hơn trong cải cách kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế.

Với chiến lược ưu tiên hàng đầu là *phát triển dựa trên nguồn vốn con người*, từ năm 1978-2004 có 814.000 người Trung Quốc từng học tập, nghiên cứu ở 103 nước và khu vực trên thế giới, đặc biệt tập trung nhiều ở các nước phát triển như Mỹ, Anh, Pháp, Nhật, Canada... Riêng năm 1979 là 1.330 sinh viên, năm 2004 là 115.000 học sinh, sinh viên (cao gấp 9 lần so với năm 1979)⁽¹¹⁾.

Không chỉ quan tâm đến đào tạo và bồi dưỡng học sinh, sinh viên, Trung Quốc còn thực hiện chương trình đào tạo đội ngũ nhân tài kỹ thuật cho ngành chế tạo và dịch vụ xã hội hiện đại tại các học viện, trường dạy nghề để đáp ứng yêu cầu phát triển của khoa học kỹ thuật. Một biện pháp hiệu quả để thực hiện chương trình này là xây dựng cơ chế hợp tác giữa các trường với hơn 1.400 đơn vị, xí nghiệp, bồi dưỡng đào tạo nhân tài theo “đơn đặt hàng” sử dụng lao động của các đơn vị sự nghiệp, mở rộng quyền tự chủ của các trường và học viện dạy

nghề⁽¹²⁾. Các nhà lãnh đạo, các giám đốc công ty cũng thường xuyên được tham gia khóa học bồi dưỡng ngắn hạn về năng lực quản lý và trình độ chuyên môn do các chuyên gia hàng đầu giảng dạy. Bên cạnh đó, Trung Quốc còn bồi dưỡng tài năng thông qua các “lồng áp” công nghệ thông tin (IT). Đại học Thanh Hoa là một trong nhiều trường Đại học Trung Quốc có công viên công nghệ và khoa học. Hàng năm Bộ Khoa học và Công nghệ chi khoảng 100.000 USD cho hơn 170 doanh nghiệp nhỏ đặt văn phòng tại “lồng áp” đó⁽¹³⁾.

Việc tuyển chọn nhân tài cũng được Chính phủ đặc biệt quan tâm. Với phương châm “*tìm người giỏi ở mọi nguồn*” và tuyển dụng công khai, bình đẳng và cạnh tranh, Chính phủ đã cho phép thành lập thị trường nhân tài trao đổi thông qua các trung tâm. Chẳng hạn ở Thượng Hải có 2 trung tâm. Các trung tâm này là nơi đăng ký, thi tuyển, sát hạch tài năng của những cán bộ chính sách nguyện vọng làm cán bộ chủ chốt doanh nghiệp, không giới hạn những người từ tỉnh khác đến.. Một hình thức tuyển chọn khác là những người tham gia tuyển chọn có thể được phỏng vấn hoặc làm bài kiểm tra trực tiếp trên cầu truyền hình. Điều này cũng tạo điều kiện cho các ứng cử viên ở mọi nơi có thể tham gia, kể cả kiều bào ở nước ngoài. Nhiều công ty, doanh nghiệp còn xây dựng những trang web riêng về tuyển dụng.

Ngoài ra, để thu hút ngày càng nhiều nhân tài, đặc biệt là đội ngũ tri thức Hoa kiều, năm 1999, Chính phủ Trung Quốc

đã dành khoản tiền là 600 triệu NDT chi trong 3 năm để đưa 300 nhà khoa học Hoa kiều trở về nước làm việc ở Viện hàn lâm khoa học Trung Quốc. Các nhà khoa học có học vị tiến sĩ từ 40 tuổi trở xuống sẽ được thưởng 2 triệu NDT mỗi người nếu đồng ý trở về phục vụ tổ quốc⁽¹⁴⁾.

Đối với những sinh viên đã được đào tạo ở nước ngoài, Chính phủ sẽ tạo mọi điều kiện thuận lợi về nơi làm việc, nhà ở, địa vị, lương bổng... Những người đã có bằng đại học hoặc trên đại học từ các tỉnh khác đến thành phố làm việc, tùy vào khả năng và trình độ học vấn mà người đó có thể được cấp một căn hộ, nếu họ có gia đình thì chính quyền địa phương sẽ tạo điều kiện để vợ hoặc chồng làm những công việc thích hợp nếu có yêu cầu.

Với phương châm “tìm người giỏi từ mọi nguồn” và phương pháp tuyển chọn, bồi dưỡng, thu hút nhân tài công khai, cạnh tranh và bình đẳng đã cuốn hút ngày càng nhiều các nhà khoa học, giám đốc công ty, các nhà quản lý trong và ngoài nước. Đây chính là nguồn tài nguyên quý báu làm nên sự “thần kỳ” của nền kinh tế Trung Quốc trong gần 3 thập kỷ qua và cũng là lợi thế cạnh tranh của nước này.

2. Những bài học chưa thành công

Những năm qua, luật pháp, chính sách của Trung Quốc luôn được cải tiến nhằm tạo những điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư nước ngoài. Nhờ môi trường đầu tư thuận lợi này mà từ năm 1993 đến nay, Trung Quốc luôn là nước đứng đầu các nước châu Á về thu

hút FDI. Tuy nhiên một số luật của Trung Quốc còn thiếu tính minh bạch và thống nhất, thủ tục hành chính còn mất nhiều thời gian, tệ nạn tham nhũng phổ biến cộng với sự giám sát, thi hành luật của các cơ quan chức năng yếu kém đã làm giảm tính hấp dẫn của môi trường đầu tư.

2.1. Hệ thống pháp luật, chính sách còn nhiều bất cập

Hội nghị quốc gia về quản lý vốn đầu tư nước ngoài tổ chức trong tháng 7/2001 đã nêu rõ một số hạn chế sau: “Cơ cấu ngành đầu tư nước ngoài không hợp lý, lĩnh vực thu hút đầu tư nước ngoài bị mở rộng quá mức; chất lượng công nghệ nước ngoài không cao và bố trí khu vực đầu tư còn thiếu cân đối; chính sách, pháp luật và quy định hiện hành về sử dụng vốn đầu tư nước ngoài cũng như hệ thống quản lý nguồn vốn này còn chưa phù hợp với những đòi hỏi của tình hình mới sau khi Trung Quốc gia nhập WTO; hiệu quả hoạt động của các cơ quan chính phủ còn thấp; chủ nghĩa hình thức và cạnh tranh không lành mạnh diễn ra trong quá trình đầu tư vẫn xảy ra ở một số địa phương; môi trường đầu tư, đặc biệt là môi trường vi mô cần được cải thiện, trật tự kinh tế thị trường đòi hỏi sự điều chỉnh toàn diện.”⁽¹⁵⁾

Cụ thể, những hạn chế trong việc hoạch định và thực thi chính sách khuyến khích đầu tư nước ngoài của Trung Quốc thể hiện nổi bật ở những điểm sau:

➤ Thiếu các tiêu chí về chính sách ưu đãi dẫn đến cạnh tranh không lành

mạnh giữa các địa phương trong việc thu hút đầu tư. Hệ thống thuế hiện nay ở Trung Quốc khá phức tạp, khó thực hiện và còn tồn tại chế độ ưu đãi khác nhau giữa chính quyền trung ương, tỉnh và địa phương. Điều này đã làm hạn chế đáng kể đến hiệu quả thu hút đầu tư nước ngoài, đặc biệt là đầu tư vào các vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn.

➤ Chưa chú trọng môi trường phân mềm làm cản trở cho việc thu hút đầu tư của các TNC. Trong giai đoạn đầu, hầu hết các chính quyền địa phương chỉ quan tâm đến chính sách thuế ưu đãi mà không chú trọng tạo ra môi trường tốt hơn cho hoạt động đầu tư của các TNC. Trên thực tế, các TNC quan tâm đến sự ổn định và tính minh bạch trong chính sách của địa phương hơn là chính sách ưu đãi về thuế do quy mô đầu tư của họ thường lớn và hướng tới việc tìm kiếm lợi ích chiến lược cũng như lợi nhuận đầu tư dài hạn. Nếu nhận ra vấn đề này sớm hơn và thực hiện một số biện pháp để khắc phục thì Trung Quốc có thể đạt được thành công hơn nữa trong thu hút và sử dụng đầu tư nước ngoài.

➤ Chưa chú trọng đến các dịch vụ sau cấp phép làm ảnh hưởng đến việc duy trì hoạt động của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài. Nhiều địa phương coi trọng thu hút đầu tư hơn là việc cung cấp các dịch vụ sau khi được cấp phép, thậm chí còn có tình trạng một số địa phương không tôn trọng cam kết của mình, dẫn tới việc một số nhà đầu tư đã rút vốn, đầu tư sang vùng khác.

➤ Hệ thống điều tiết thiếu minh bạch: Trong một thời gian dài, hệ thống pháp lý và quản lý đầu tư của Trung Quốc được đánh giá là không minh bạch, thiếu tính nhất quán và ổn định. Điều này đã dẫn đến việc giải thích và áp dụng pháp luật rất khác nhau ở tất cả các cấp chính quyền, làm nản lòng và gây ra nhiều phí tổn không cần thiết cho nhà đầu tư nước ngoài trong việc xác định cơ hội đầu tư và triển khai dự án đầu tư nước ngoài. Đây cũng là thách thức rất lớn đối với Trung Quốc trong việc thực hiện cam kết minh bạch hoá pháp luật trong các điều ước quốc tế về đầu tư.

2.2. Quản lý hành chính về FDI chưa hiệu quả

Trong điều kiện toàn cầu hoá hiện nay, sự đơn giản hoá các thủ tục hành chính góp phần quan trọng làm tăng khả năng cạnh tranh thu hút đầu tư vì nó ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo Diankov (2002), ở Trung Quốc, để tiến hành đầu tư kinh doanh cần 12 thủ tục và phải mất 92 ngày, trong khi đó ở 85 quốc gia khác được nghiên cứu chỉ cần 10 thủ tục và chỉ mất khoảng 47 ngày. So với Ấn Độ, Thái Lan và Malaysia thì Trung Quốc cần thời gian dài hơn và nhiều thủ tục hơn để tiến hành đăng ký kinh doanh⁽¹⁶⁾. Theo kết quả điều tra của cơ quan điều tra môi trường kinh doanh quốc tế (the World Business Environment Survey), những nhà đầu tư kinh doanh ở Trung Quốc phải tiêu tốn 9% thời gian của họ để giải quyết các vấn đề liên quan đến các cấp chính quyền. Những thủ tục này

đã ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh trong thu hút FDI của Trung Quốc.

Hơn nữa, để được phép thành lập doanh nghiệp, nhà đầu tư nước ngoài phải đệ trình hồ sơ xin phép để cơ quan có thẩm quyền xem xét và thông qua trong thời hạn tối đa là 3 tháng (tùy thuộc từng loại hình doanh nghiệp), đồng thời phải qua 4 bước là (i) Trình đề xuất dự án tới cơ quan thích hợp và được phê duyệt trước khi nhà đầu tư có thể tiến hành các công việc nghiên cứu khả thi của dự án; (ii) Trình báo cáo về nghiên cứu khả thi tới cơ quan kế hoạch hoặc quản lý đổi mới công nghệ. Sau khi được phê duyệt, nhà đầu tư có thể đàm phán và ký kết các tài liệu như hợp đồng và điều lệ doanh nghiệp (iii) Trình hợp đồng và điều lệ doanh nghiệp đã được phê duyệt của cơ quan quản lý ngoại thương. Cơ quan phê duyệt có thể cấp giấy phép cho doanh nghiệp đầu tư nước ngoài; (iv) Nhà đầu tư làm các thủ tục với cơ quan quản lý công thương về giấy phép được cấp.

Thẩm quyền cấp phép thành lập doanh nghiệp cũng khác nhau giữa cơ quan trung ương và địa phương. Các dự án có giá trị theo hợp đồng hơn 30 triệu USD phải đệ trình Bộ Thương mại xem xét; các dự án trên 100 triệu USD phải đệ trình hồ sơ lên Quốc vụ viện khi cần thiết. Ngoài ra cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở cấp tỉnh (bao gồm các vùng đô thị và các khu vực tự trị) có thể xem xét cấp phép các dự án có giá trị dưới 30 USD. Trong trường hợp nhà đầu tư xin đầu tư vào các ngành bị hạn chế, đơn xin phép phải được đệ trình cơ quan có thẩm quyền cao hơn, mặc dù tổng vốn

đầu tư của dự án có thể thấp hơn các mức nêu trên.

2.3. Tham nhũng còn tồn tại phổ biến

Ở nhiều nước, trong đó có Trung Quốc, tham nhũng có thể làm tăng chi phí đầu tư, tạo tâm lý không ổn định cho các nhà đầu tư nước ngoài. Theo thống kê của Tổ chức Minh bạch Quốc tế năm 2004, Trung Quốc xếp thứ 71/146 quốc gia tham nhũng. Nạn tham nhũng, tiêu cực từ Trung ương đến địa phương làm giảm hiệu lực quản lý của nhà nước, gây trở ngại cho các nhà đầu tư nước ngoài. Năm 2000 có tới 83.461 vụ về tham nhũng và nhận hối lộ, năm 2004 có 2.960 quan chức từ cấp huyện trở lên bị điều tra tham nhũng, thậm chí trong ngành tư pháp có 345 công tố viên và 461 thẩm phán bị kết án về tội danh nhận hối lộ. Giáo sư Hồ An Cường (đại học Thanh Hoa) cho biết mỗi năm Trung Quốc thiệt hại khoảng từ 123 tỷ USD đến 157 tỷ USD, chiếm từ 13-17% GDP do nạn tham nhũng gây ra⁽¹⁷⁾.

Tệ nạn tham nhũng nặng nề đến nỗi nguyên Phó Thủ tướng Trung Quốc Lý Lam Thanh đã phải kêu lên rằng “nạn buôn lậu tràn lan đã phá rối trật tự kinh tế của đất nước, làm mục rỗng các quan chức, làm tha hoá đạo đức xã hội, phá huỷ môi trường xây dựng kinh tế”⁽¹⁸⁾.

2.4. Vi phạm thực hiện một số cam kết của WTO

✦ Vấn đề sở hữu trí tuệ

Mặc dù Trung Quốc có nhiều tiến bộ trong việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống luật pháp về bảo hộ sở hữu trí tuệ,

song tình trạng vi phạm bản quyền vẫn diễn ra khá phổ biến gây ảnh hưởng không tốt đối với môi trường đầu tư của Trung Quốc. Từ năm 1990-2000 có tới 36.504 vụ kiện về vi phạm bản quyền, trong đó có 38% vụ liên quan đến hợp đồng kỹ thuật công nghệ và 26% liên quan đến bản quyền phát minh, 16% vụ vi phạm luật cạnh tranh không bình đẳng, 12% về bản quyền và 8% về thương hiệu⁽¹⁹⁾. Tình trạng in sao chép lậu, buôn bán hàng giả ở Trung Quốc diễn ra rất phổ biến. Hàng hoá vi phạm bản quyền không chỉ là hàng tiêu dùng bình thường như đồ chơi, quần áo, đồ dùng gia đình mà còn là những mặt hàng có hàm lượng kỹ thuật cao như điện tử, phần mềm, xe ô tô... Sự vi phạm quyền sở hữu trí tuệ gây tâm lý hoang mang cho các nhà đầu tư nước ngoài. Theo ước tính của Phòng Thương mại Hoa Kỳ, nạn ăn cắp bản quyền đã làm cho các công ty Hoa Kỳ ở Trung Quốc bị thiệt hại từ 12-15%. Một số nghiên cứu về vấn đề này đã ước tính có hơn 50% số được phẩm của Hoa Kỳ bán ở Trung Quốc là hàng giả; lượng hàng giả có nguồn gốc xuất xứ từ Trung Quốc chiếm đến 8% GDP của nước này⁽²⁰⁾.

Một cuộc thăm dò do Bộ kinh tế, mậu dịch và công nghiệp Nhật Bản thực hiện vào tháng 5/2005 cho biết, chỉ có 55% số công ty Nhật dự định mở rộng hoạt động hoặc bắt đầu làm ăn tại Trung Quốc thay vì 87% hồi tháng 12/2004. Hơn 50% trong số 134 công ty trả lời thăm dò đã báo động rằng rất nhiều sản phẩm của họ bị sao chép, làm lậu, nhái tại Trung Quốc⁽²¹⁾.

Tình trạng nói trên đã và đang làm mất lòng tin của các nhà đầu tư nước ngoài vào tính hiệu quả của pháp luật Trung Quốc trong việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, từ đó làm suy giảm đáng kể khả năng thu hút đầu tư nước ngoài vào các ngành sử dụng công nghệ, kỹ thuật hiện đại, công nghiệp phần mềm và một số ngành sản xuất dịch vụ.

✦ *Vấn đề mở các chi nhánh và minh bạch chính sách*

Cam kết mở cửa thị trường khi gia nhập WTO của Trung Quốc tuy khá toàn diện và chặt chẽ song cũng vẫn còn một số hạn chế. Cụ thể:

Trong lĩnh vực tài chính, khi ngân hàng nước ngoài muốn mở chi nhánh tại Trung Quốc thì họ phải đặt tiền thế chấp hàng triệu đô la Mỹ. Nếu ngân hàng muốn kinh doanh bằng nhân dân tệ thì đòi hỏi thế chấp này sẽ tăng gấp nhiều lần, điều này làm cho các ngân hàng nước ngoài khó thâm nhập vào thị trường Trung Quốc như họ hy vọng ban đầu.

Trong lĩnh vực bảo hiểm, theo cam kết gia nhập WTO, bắt đầu từ năm 2005 các tập đoàn bảo hiểm nhân thọ nước ngoài có thể hoạt động tự do trong thị trường 1,3 tỷ dân này. Nhưng điều khoản này bị trì hoãn để cho các tập đoàn trong nước có thời gian chuẩn bị và chiếm lĩnh thị trường trước khi các tập đoàn bảo hiểm nước ngoài có thể bắt đầu kinh doanh. Điều đó có nghĩa là các tập đoàn bảo hiểm nước ngoài chỉ có thể bắt đầu kinh doanh khi mà thị trường bảo

hiếm đã hoàn toàn bị chi phối bởi các tập đoàn trong nước ⁽²²⁾.

Trong dịch vụ quản lý tài sản và chứng khoán, các công ty của Mỹ phần nào là họ không được thành lập các công ty chứng khoán bằng các phương tiện mà họ lựa chọn.

Đối với ngành giao nhận kho vận, Trung Quốc chỉ hạn chế trong hình thức liên doanh với số vốn của bên nước ngoài không quá 50%. Hình thức này sẽ được áp dụng đến năm 2002 và cam kết sau đó ngành này sẽ được mở cửa tự do. Tuy nhiên, cho tới nay các doanh nghiệp nước ngoài kinh doanh trong lĩnh vực này vẫn bị hạn chế hoạt động.

Nhiều cam kết mở cửa thị trường của Trung Quốc cũng đã tạo ra những rào cản vô hình, liên quan đến đối xử quốc gia. Chẳng hạn như các thủ tục liên quan đến cấp phép, vấn đề trình độ/bằng cấp của các chuyên gia nước ngoài chính là những phân biệt đối xử đối với các doanh nghiệp nước ngoài ⁽²³⁾.

Ngoài ra, Trung Quốc cũng cam kết xây dựng các điểm cung cấp thông tin, theo đó các bên quan tâm sẽ được cung cấp tất cả các thông tin về luật pháp và các quy định khác. Những thông tin cung cấp cho các thành viên của WTO phải thể hiện quan điểm chính thức của Chính phủ Trung Quốc. Những đối tượng tìm hiểu thông tin khác như cá nhân và doanh nghiệp cũng được cung cấp những thông tin “chính xác và tin cậy”. Tuy nhiên, như một quan chức của Bộ Ngoại thương và Hợp tác quốc tế cho

biết, “luật pháp của Trung Quốc thường không chi tiết do đó rất khó để tích hợp các ngôn ngữ rất cụ thể của các cam kết WTO vào hệ thống luật pháp Trung Quốc⁽²⁴⁾. Luật pháp Trung Quốc không được diễn giải một cách thống nhất giữa các tỉnh và ngay cả giữa các Bộ. Quan chức của Ngoại thương và Hợp tác quốc tế còn cho biết có rất nhiều những quy định của các tỉnh không phù hợp với các quy định và pháp luật của chính quyền trung ương. Cấp tỉnh nhiều lúc cũng không vội thay đổi những quy định trái luật này, họ cho rằng cần phải chờ đợi chính quyền trung ương hoàn thành quy trình làm luật trước. Kết quả là các điểm cung cấp thông tin không thể hiện được “quan điểm chính thức” của Chính phủ Trung Quốc và các thông tin trên thực tế nhiều khi là “không chính xác và đáng tin cậy”. Điều này không phù hợp với cam kết về gia nhập WTO của Trung Quốc và tạo ra một rào cản không chính thức cho quá trình tiếp cận thị trường của các nhà đầu tư nước ngoài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

(1) Võ Đại Lược (2004): *Trung Quốc gia nhập tổ chức thương mại thế giới - thời cơ và thách thức*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội

(2) Triệu Tử Dương (1987): *Báo cáo tại Đại hội XIII của Đảng Cộng Sản Trung Quốc*, ngày 25/10/1987

- (3) Bader, J.A (2003): *China implementation of its WTO Commitments: Mixed Results after two years*, The Atlantic Council of the United State, Asia Programs
- (4) *Nhiều nhà nghiên cứu phương Tây bị thu hút bởi môi trường làm việc tại Trung Quốc*, Tạp chí hoạt động khoa học, số 4/2006
- (5) *Phát triển công nghệ cao ở Trung Quốc*, Tạp chí hoạt động khoa học số 6/2006
- (6) Nguyễn Kim Bảo (2000): *Đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Trung Quốc từ 1979 đến nay*, Nxb Khoa học xã hội
- (7) The Economist Intelligence Unit (2002b): *China Hand. London: Economist Intelligence Unit*, April
- (8) Wang, Ling: 2002. *Oversea entrepreneururs talk high-tech*. China Daily, June 4:3
- (9) Bing he, and Siqiang Zhang (1999): *Study of Technological Innovation issue in Beijing industrial Sector with Regard to Utilization of Foreign Investment*, Working paper of Research Topic II of Beijing International Trade Society.
- (10) Xiaojuan Jiang (2004): On the Influence Exerted by Absorption of FDI toward China Drive for Technological Advancement and Enhancement of its R&D Capabilities, In the Collection of Speeches Delivered on the symposium “review and perspective of China’s “
- (11) Education in China. Lessons for U.S. Educators -Asia Society Business Roundtable Council of Chief State School Officers-2005, p.12
- (12) Huy động vốn đào tạo nghệ, kinh nghiệm một số nước Đông Á www.dangcongsan@cpv.org.vn
- (13) Chuyện học IT ở Trung Quốc (2006), website: google.com/talent in China
- (14) Thông tin chuyên đề Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Làn sóng hồi hương trong công cuộc hiện đại hoá Trung Quốc (2004), Bản tin phục vụ lãnh đạo số 10-2004
- (15) (20) Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế, (2005), Hội thảo giới thiệu kết quả đề tài nghiên cứu: tác động của khu vực mậu dịch tự do ASEAN-Trung Quốc đối với Việt Nam.
- (16) Djankov, Simon, Rafael La Porta, Florecio Lopez -de Silanes and Adnrei Shleifer (2002), The regulation of entry, Quaterly Jounal of Economics, 117:1, page. 1-37
- (17) (19) Đỗ Kim Hoa (2005): *Thu hút và sử dụng FDI ở Trung Quốc : cơ hội và thách thức*, Tạp chí kinh tế châu Á Thái Bình Dương, số 52
- (18) Viện Khoa học tài chính (1996), chuyên đề nghiên cứu khoa học: *Cải cách kinh tế tài chính Trung Quốc và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*
- (21) Lê Thu Hà (2006): *Kinh tế Trung Quốc năm 2005*, Tạp chí Kinh tế châu Á Thái Bình Dương
- (22) Thời báo kinh tế Việt Nam (2006) ngày 1/3/2006
- (23) Võ Trí Thành (2005): *So sánh các biện pháp và chính sách về tự do hoá thương mại dịch vụ của Việt Nam và Trung Quốc*, Báo cáo đề tài
- (24) Những quan sát về cải cách nền pháp chế Trung Quốc(2002), Bản chứng của Tổng bộ kế toán Mỹ trước Ủy ban hành pháp quốc hội về Trung Quốc